

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HOÀNG BÌNH

CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HOÀNG BÌNH

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: HOANG BINH TRADING AND DEVELOPMENT INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: HOANG BINH TRADING AND DEVELOPMENT INVESTMENT

2. Mã số doanh nghiệp: 0110661965

3. Ngày thành lập: 25/03/2024

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Tầng 14 Tòa nhà Việt Á, số 9 Phố Duy Tân, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0989.339.498 Fax:

Email: hoangbinhcable@gmail.com Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                 | Mã ngành    |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí                                                                                                                     | 4322        |
| 2.  | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                                                                                                                                            | 4329        |
| 3.  | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                            | 4330        |
| 4.  | Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác<br>(Loại trừ Đầu giá)                                                                                                  | 4530        |
| 5.  | Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy                                                                                                                                                       | 4542        |
| 6.  | Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy<br>(Loại trừ Đầu giá)                                                                                                               | 4543        |
| 7.  | Đại lý, môi giới, đầu giá hàng hóa<br>(Loại trừ Đầu giá)                                                                                                                                  | 4610        |
| 8.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình                                                                                                                                                        | 4649        |
| 9.  | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                                                                       | 4651        |
| 10. | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông<br>(không bao gồm: thiết bị thu phát sóng)                                                                                             | 4652        |
| 11. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện) | 4659(Chính) |
| 12. | Bán buôn kim loại và quặng kim loại<br>(Trừ kinh doanh vàng miếng, vàng nguyên liệu)                                                                                                      | 4662        |
| 13. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                                                                                                   | 4663        |

|     |                                                                                                                                                                  |      |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 14. | Hoạt động dịch vụ liên quan đến các cuộc gọi                                                                                                                     | 8220 |
| 15. | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại<br>(Loại trừ hợp báo)                                                                                                  | 8230 |
| 16. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh<br>(Điều 28 Luật Thương mại) | 8299 |
| 17. | Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi                                                                                                                        | 9511 |
| 18. | Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình                                                                                                                              | 9522 |
| 19. | Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính<br>Chi tiết: Khắc phục sự cố máy tính, cài đặt phần mềm                          | 6209 |
| 20. | Cổng thông tin<br>(Loại trừ hoạt động báo chí)                                                                                                                   | 6312 |
| 21. | Quảng cáo<br>(Không bao gồm: quảng cáo thuốc lá)                                                                                                                 | 7310 |
| 22. | Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận<br>(Loại trừ hoạt động điều tra thu thập ý kiến về các sự kiện chính trị)                                               | 7320 |
| 23. | Cho thuê xe có động cơ<br>Chi tiết: Cho thuê ô tô                                                                                                                | 7710 |
| 24. | Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện                                                                                   | 2710 |
| 25. | Sản xuất pin và ắc quy                                                                                                                                           | 2720 |
| 26. | Sản xuất dây cáp, sợi cáp quang học                                                                                                                              | 2731 |
| 27. | Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác<br>Chi tiết: Sản xuất dây và cáp sợi tách biệt từ sắt, đồng, nhôm.                                                        | 2732 |
| 28. | Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng                                                                                                                                | 2740 |
| 29. | Sản xuất đồ điện dân dụng                                                                                                                                        | 2750 |
| 30. | Sản xuất thiết bị điện khác                                                                                                                                      | 2790 |
| 31. | Vận tải hành khách đường sắt                                                                                                                                     | 4911 |
| 32. | Vận tải hàng hóa đường sắt                                                                                                                                       | 4912 |
| 33. | Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)                                                                              | 4931 |
| 34. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                                                                                   | 4933 |
| 35. | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa                                                                                                                                      | 5210 |
| 36. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt                                                                                                         | 5221 |
| 37. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ                                                                                                          | 5225 |
| 38. | Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng                                                                                         | 5621 |
| 39. | Dịch vụ phục vụ đồ uống<br>(Loại trừ hoạt động quán bar, quán karaoke, quán rượu; quán giải khát có khiêu vũ)                                                    | 5630 |

|     |                                                                                                        |      |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 40. | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển                         | 7730 |
| 41. | Đại lý du lịch                                                                                         | 7911 |
| 42. | Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch                    | 7990 |
| 43. | Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học                                                                 | 3313 |
| 44. | Xây dựng công trình đường sắt                                                                          | 4211 |
| 45. | Xây dựng công trình đường bộ                                                                           | 4212 |
| 46. | Xây dựng công trình điện                                                                               | 4221 |
| 47. | Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc                                                     | 4223 |
| 48. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                  | 4321 |
| 49. | Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh | 4741 |
| 50. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh   | 4752 |

6. **Vốn điều lệ:** 200.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. **Số cổ phần được quyền chào bán:** 20.000

8. **Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông   | Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức                 | Loại cổ phần              | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|---------------|----------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | HỒ ĐĂNG HOÀNG | 141A/213 Đường Thiên Lô, Phường Vĩnh Niệm, Quận Lê Chân, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 10.000     | 100.000.000           | 50,000    | 031098010072                                                                                |         |
|     |               |                                                                                        | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |               |                                                                                        | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |               |                                                                                        | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |               |                                                                                        | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |               |                                                                                        | Tổng số                   | 10.000     | 100.000.000           | 50,000    |                                                                                             |         |
|     |               |                                                                                        |                           |            |                       |           |                                                                                             |         |

|   |                |                                                                                       |                           |       |            |        |                  |  |
|---|----------------|---------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|-------|------------|--------|------------------|--|
| 2 | BÙI HUY BÌNH   | 207/6 Đường Chi Lăng, Phường Thượng Lý, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 9.000 | 90.000.000 | 45,000 | 0310990014<br>14 |  |
|   |                |                                                                                       | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0     | 0          | 0,000  |                  |  |
|   |                |                                                                                       | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0     | 0          | 0,000  |                  |  |
|   |                |                                                                                       | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0     | 0          | 0,000  |                  |  |
|   |                |                                                                                       | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0     | 0          | 0,000  |                  |  |
|   |                |                                                                                       | Tổng số                   | 9.000 | 90.000.000 | 45,000 |                  |  |
| 3 | PHẠM TÙNG BÁCH | 78 Phố Lò Đúc, Phường Phạm Đình Hổ, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam     | Cổ phần phổ thông         | 1.000 | 10.000.000 | 5,000  | 2270980000<br>03 |  |
|   |                |                                                                                       | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0     | 0          | 0,000  |                  |  |
|   |                |                                                                                       | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0     | 0          | 0,000  |                  |  |
|   |                |                                                                                       | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0     | 0          | 0,000  |                  |  |
|   |                |                                                                                       | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0     | 0          | 0,000  |                  |  |
|   |                |                                                                                       | Tổng số                   | 1.000 | 10.000.000 | 5,000  |                  |  |

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài , nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|--------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|     |             |                                                                      |              |            |                                                                          |           |                                                                                                               |         |

10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: HỒ ĐĂNG HOÀNG

Giới tính: Nam

Chức danh: *Tổng giám đốc*

Sinh ngày: 21/11/1998

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 031098010072

Ngày cấp: 04/10/2022

Nơi cấp: *Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội*

Địa chỉ thường trú: *141A/213 Đường Thiên Lô, Phường Vĩnh Niệm, Quận Lê Chân, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *141A/213 Đường Thiên Lô, Phường Vĩnh Niệm, Quận Lê Chân, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam*

**11. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội